TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12/3/2019
V/v tranh chấp *"xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Khanh**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thanh Dũ**

Bà **Trần Thị Thu Thảo**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Thạch Hải Âu** – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa: Ông **Lê Trung Hiếu** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Phước mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 215/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXX-ST ngày 12 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐ-HPT ngày 01/3/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Ngọc Tr,** sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Anh **Hoàng Minh T,** sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh T.

- Chị Tr có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.
- Anh T vắng mặt không lý do dù được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai cùng ngày 14/9/2018 nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc Tr trình bày: Tôi và anh Hoàng Minh T cưới nhau vào năm 2006, có quen biết tìm hiểu trước và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đ. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do là do anh T sống không chung thủy và đã bỏ đi chung

sống với người phụ nữ khác. Vợ chồng ly thân nhau nay đã 08 năm mà không hàn gắn được gì, tôi đã về nhà cha mẹ ruột tôi ở huyện T, tỉnh Đ sống cho đến nay, nên tôi không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa. Về con chung: Có một con chung là Hoàng Minh T1, sinh ngày 05/12/2006, hiện đang sống với tôi; Về tài sản chung: Không có; Về nợ chung: không có.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Hoàng Minh T; Về con chung: Yêu cầu tiếp tục nuôi một con chung là Hoàng Minh T1, sinh ngày 05/12/2006. Không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: không có.

- Ngày 11/02/2019 nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc Tr có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh Hoàng Minh T đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của chị Tr và cũng được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để hòa giải nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản, ý kiến trả lời theo thông báo của Tòa án.

* Tại phiên tòa hôm nay:

Chị Tr và anh T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Ngọc Tr.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Hội đồng xét thấy theo đơn khởi kiện và yêu cầu của chị Bùi Thị Ngọc Tr, thì chị Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Minh T. Anh T hiện đang cư trú tại ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh T. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước theo qui định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp "Ly hôn" qui định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc Tr có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Hoàng Minh T không có yêu cầu phản tố và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để xét xử nhưng anh T vẫn vắng mặt hai lần không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc Tr và bị đơn anh Hoàng Minh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án chị Bùi Thị Ngọc Tr yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Minh T. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Ngọc Tr, Hội đồng xét xử xét thấy chị Tr và anh T có quen biết tìm hiểu trước và cưới nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu anh, chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do là do anh T sống không chung thủy và đã bỏ đi

chung sống với người phụ nữ khác và vợ chồng ly thân nhau từ năm 2010 đến nay, chị Tr đã về nhà cha mẹ ruột của chị ở Đ sống cho đến nay, thời gian ly thân vợ chồng cũng không hàn gắn được gì. Hội đồng xét xử xét thấy thực tế thời gian ly thân của chị Tr và anh T từ năm 2010 đến nay là đã lâu, trong thời gian ly thân nhau, chị Tr và anh T cũng không có một động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị Tr xin được ly hôn đối với anh T vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bị đơn anh Hoàng Minh T đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của chị Tr và cũng được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để hòa giải nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản, ý kiến trả lời theo thông báo của Tòa án; Tòa án cũng đã Thông báo cho anh T biết về kết quả phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh cũng tiếp tục không có ý kiến, như vậy là anh T biết được việc chị Tr kiện yêu cầu xin ly hôn với anh nhưng anh T vẫn mặc nhận. Như vậy chứng tỏ anh T đã không còn tình cảm đối với chị Tr. Tại biên bản lấy lời khai của bà Trần Thị Ngọc Đ là mẹ ruột chị Tr (BL số 16), biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Kim L là mẹ ruột của anh T (BL số 22) thì những người này đều xác định chị Tr và anh T thường hay mâu thuẫn cải vã và ly thân nhau từ 2010 đến nay không hàn gắn được, anh T đã chung sống với người phụ nữ khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Tr và anh T là đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị Bùi Thị Ngọc Tr được ly hôn anh Hoàng Minh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Tr và anh T có một con chung là Hoàng Minh T1, sinh ngày 05/12/2006, hiện đang sống với chị Tr. Chị Tr yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi ly thân nhau cho đến nay, cháu T hiện đang sống với chị Tr ổn định. Chị Tr có điều kiện để nuôi dạy con tốt. Thời gian ly thân anh T cũng không có thăm nom, chăm sóc con chung. Quá trình giải quyết vụ án anh T cũng không có tranh chấp gì về việc nuôi con chung. Lời khai của cháu T1 yêu cầu được sống với mẹ. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cho chị Tr nuôi con chung giữa chị và anh T là phù hợp, đảm bảo cuộc sống cho cháu T1.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tr cũng không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tr xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có ghi nhận khi khị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận cho chị Bùi Thị Ngọc Tr được ly hôn với anh Hoàng Minh T.

2. Về con chung:

- Giao cho chị Bùi Thị Ngọc Tr được tiếp tục nuôi một con chung giữa chị và anh Hoàng Minh T là cháu Hoàng Minh T1, sinh ngày 05/12/2006. Anh Hoàng Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Bùi Thị Ngọc Tr chưa có yêu cầu.

Anh Hoàng Minh T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền tranh cản.

3. Về án phí:

Chị Bùi Thị Ngọc Tr phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Tr đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 19546 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, xem như chị Tr thi hành xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Tr và anh T được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết công khai, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS H. Tân Phước;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Đ;
- Các đương sự:
  + Bùi Thị Ngọc Tr
  + Hoàng Minh T.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí Khanh